

Số: 64/BC-CTK

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng Hai năm 2017

1. Sản xuất công nghiệp

Tháng Một năm nay rơi vào kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, do vậy sản xuất công nghiệp cũng đã ít nhiều ảnh hưởng bởi yếu tố thời gian nghỉ tết và chu kỳ sản xuất sản phẩm cũng như tích lũy sản phẩm đáp ứng phục vụ nhu cầu tiêu dùng. Đầu tháng Hai, sau kỳ nghỉ Tết các doanh nghiệp bắt đầu sản xuất ngay theo kế hoạch, do vậy hầu hết các ngành sản xuất công nghiệp chỉ số sản xuất đều tăng so với tháng trước và so với cùng kỳ năm 2016, cụ thể: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Hai năm 2017 tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 12,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 10,6% và 6,1%; Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,8% và 12,7%; Sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 0,4% và 14,4% ; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải tăng 1,5% và 3,6%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp cộng dồn 2 tháng đầu năm tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: Công nghiệp khai khoáng giảm 73,2% (Do chủ trương cấm triệt để việc khai thác cát đá sỏi trên sông làm ảnh hưởng đến dòng chảy và an toàn hệ thống đê điều, cùng với việc ngừng cấp phép khai thác và ngừng khai thác một số mỏ đá núi); Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,5%; Sản xuất, phân phối điện, khí đốt tăng 6,3%; Cung cấp nước và hoạt động thu gom xử lý rác, nước thải giảm 0,6%.

Tháng Hai năm 2017 sản phẩm chủ yếu nhìn chung tăng so tháng trước và cùng kỳ (Do tháng Một doanh nghiệp kết thúc chu kỳ sản xuất khoảng giữa tháng, đầu tháng Hai đã bắt đầu sản xuất ngay), cụ thể một số sản phẩm: Bánh kẹo các loại (tăng 2,4% và 63,9%); Bia đóng chai (tăng 13,7% và 15,8%); Bao bì và túi bằng giấy (tăng 62,8% và 34,7%); Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng sứ (tăng 2,1% và 60,9%); Ghế gỗ (tăng 17,5% và 21,1%); Tủ gỗ (tăng 4,4%, 27,3%); Nước uống được (tăng 1,9% và 7,5%).

Chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến chế tạo tháng Một năm 2017 giảm 14,7% so với tháng trước và giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tồn kho sản phẩm ngành công nghiệp chế biến chế tạo tháng Một

năm 2017 giảm 6,3% so với tháng trước và giảm 22,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp trong tháng ổn định, không có biến động lớn. Chỉ số sử dụng lao động toàn ngành công nghiệp tăng 0,1% so tháng trước và tăng 1,5% so cùng kỳ năm trước.

2. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước tính tháng Hai đạt 1.534 tỷ đồng, giảm 13% so tháng trước và tăng 25,5% so với cùng kỳ. Ước tính 2 tháng đầu năm 2017 thực hiện 3.298 tỷ đồng, tăng 2,3% so với cùng kỳ. Trong những tháng đầu năm 2017, vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý chủ yếu là từ các dự án chuyển tiếp của năm 2016.

Tình hình, tiến độ một số dự án:

- Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá: Đã hoàn thành công tác thẩm định, phê duyệt quyết định và chi trả tiền đền bù cho 240 phương án của các hộ dân; UBND Huyện đang xem xét phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 05 chủ thầu có hợp đồng thuê đất; Các gói thầu cho công tác chuẩn bị mặt bằng phục vụ xây dựng đã cơ bản hoàn thành.

- Dự án đường sắt đô thị Đoạn Nhón - Ga Hà Nội: Đã hoàn thành đấu thầu và ký kết hợp đồng 8 gói thầu, chỉ còn gói thầu *Hệ thống vé* đang chờ cơ quan chức năng thẩm định thiết kế kỹ thuật – dự toán để đấu thầu. Về công tác giải phóng mặt bằng: Đến nay đã hoàn thành toàn bộ mặt bằng khu Depot và đoạn tuyến trên cao từ Nhón về Kim Mã, hiện đang tập trung quyết liệt hoàn thành giải phóng mặt bằng 04 ga ngầm: S9 – Kim Mã, S10 – Cát Linh, S11 – Văn Miếu và S12 – Trần Hưng Đạo. Tiến độ chung của dự án đến nay đạt khoảng 30%, dự kiến hoàn thành khai thác vào năm 2021.

3. Thương mại dịch vụ

3.1. Nội thương

Thị trường Tết Đinh Dậu 2017 vào thời điểm cuối tháng Một, thị trường những ngày giáp tết tương đối bình ổn, lượng hàng khá dồi dào. Điểm nổi bật năm nay là hàng hóa sản xuất trong nước đã chiếm được thị trường, ở các siêu thị, trung tâm thương mại lớn, bánh kẹo, đồ uống, mứt, lương thực, thực phẩm, hàng may mặc... sản xuất trong nước chiếm thị phần khoảng 80%. Sau Tết, các siêu thị và các cơ sở kinh doanh cũng mở bán hàng sớm, thị trường hoa tươi, quà tặng cũng khá nhộn nhịp vào dịp ngày Lễ tình nhân,... giá bán nhìn chung có tăng so ngày thường nhưng không có đột biến.

Ước tính tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ tháng Hai đạt 179.014 tỷ đồng, giảm 3,9% so với tháng trước và tăng 6% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 41.415 tỷ đồng, giảm 4,2% và tăng 4,9%.

Ước tính tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ 2 tháng đầu năm đạt 365.234 tỷ đồng, tăng 7,1% so cùng kỳ, trong đó tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 84.648 tỷ đồng, tăng 6,8%. Trong tổng mức bán ra: Ngành thương nghiệp ước tính đạt 272.310 tỷ đồng, tăng 8,1% so cùng kỳ; Khách sạn, nhà hàng đạt 8.269 tỷ đồng, tăng 5,9%; Du lịch lữ hành đạt 1.441 tỷ đồng, tăng 3,3%; Dịch vụ đạt 83.214 tỷ đồng, tăng 4,1%.

3.2. Ngoại thương

Tháng Hai, hầu hết các nhóm hàng xuất, nhập khẩu đều giảm so tháng trước và tăng so cùng kỳ. Nguyên nhân một phần do Tết Nguyên Đán vào thời điểm cuối tháng Một, các doanh nghiệp đều xuất, nhập khẩu các mặt hàng phục vụ Tết vào trước và trong dịp này nên tháng Một hầu hết các mặt hàng đều có giá trị xuất, nhập khẩu cao.

- *Xuất khẩu*: Trị giá xuất khẩu tháng Hai ước tính đạt 769 triệu USD, giảm 9,1% so tháng trước và tăng 28,8% so cùng kỳ. Trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 642 triệu USD, giảm 8,5% và tăng 26,9%.

Ước tính 2 tháng đầu năm 2017, kim ngạch xuất khẩu đạt 1.614 triệu USD tăng 13,1% so cùng kỳ, trong đó xuất khẩu địa phương tăng 13,3%.

- *Nhập khẩu*: Trị giá nhập khẩu tháng Hai ước đạt 1.597 triệu USD, giảm 19,3% so tháng trước, tăng 7,9% so cùng kỳ. Trong đó, nhập khẩu địa phương đạt 689 triệu USD, giảm 19,5% và tăng 3,3%.

Ước tính kim ngạch nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2017 đạt 3.576 triệu USD, tăng 10% so cùng kỳ, trong đó, nhập khẩu địa phương tăng 6,2%.

3.3. Vận tải.

Nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của người dân trong dịp Tết, các bến xe, nhà ga đã tăng cường tàu xe, phương tiện vận tải trong những ngày cao điểm. Ngoài ra công ty cổ phần bến xe Hà Nội có kế hoạch phối hợp với các đơn vị kinh doanh vận tải khác để thuê bổ sung một số phương tiện vận tải dự phòng phục vụ tăng cường giải tỏa khách tại chỗ về bến quá đông, tránh ùn ứ cục bộ.

Vào thời điểm cận Tết, nhiều gia đình có nhu cầu thuê xe taxi về quê, hoặc ra bến tàu, bến xe, sân bay... Trong Tết và sau Tết, với tính chất đi lại mang tính du xuân nhu cầu đi lại bằng xe taxi tăng cao nên cũng như mọi năm, xe taxi đã chạy hết công suất để đáp ứng đủ nhu cầu đi lại trong dịp Tết của người dân.

So tháng trước, khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Hai tăng 1%, khối lượng hàng hóa luân chuyển tăng 1,4%, doanh thu tăng 1%; Số lượt khách vận chuyển tăng 2,2%, số lượt hành khách luân chuyển tăng 3,8%, doanh thu vận chuyển hành khách tăng 3,2%; Doanh thu hỗ trợ vận tải tăng 0,7%. So cùng kỳ, khối lượng hàng hoá vận chuyển tăng 9,4%, khối lượng hàng hoá luân chuyển tăng 10,6%, doanh thu tăng 8,6%; Số lượt hành khách vận chuyển tăng 10,5%, số lượt hành khách luân chuyển tăng 10,9%, doanh thu tăng 13,3%; Doanh thu hỗ trợ vận tải tăng 9,7%.

Cộng dồn 2 tháng, khối lượng hàng hoá vận chuyển tăng 9,6%, khối lượng hàng hoá luân chuyển tăng 10,5%, doanh thu tăng 8,9%; Số lượt hành khách vận chuyển tăng 9,9%, số lượt hành khách luân chuyển tăng 10,6%, doanh thu tăng 11,7%; Doanh thu hỗ trợ vận tải tăng 9,6%.

3.4. Du lịch – lễ hội

Dịp Tết âm lịch có thời gian nghỉ Tết kéo dài 7 ngày nên đây là cơ hội tốt cho người dân đi du lịch trong và ngoài nước. Các công ty du lịch của Hà Nội đã triển khai chùm tour đặc biệt đón Tết Nguyên đán với hàng trăm tour trong và ngoài nước. Hà Nội đã quảng bá việc tổ chức Tết với nhiều hoạt động như: tổ chức các triển lãm, hội chợ thương mại, tổ chức Phố sách xuân Đinh Dậu, quảng bá du lịch trên kênh CNN (*Đây được xem là bước đột phá giúp Hà Nội thu hút du khách quốc tế bởi hiện CNN có hàng tỷ khán giả trên toàn thế giới và là nhà cung cấp tin tức cho hơn 200 đài phát thanh và truyền hình trên toàn cầu*)..., chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, phương tiện, đa dạng hóa sản phẩm du lịch, dịch vụ để sẵn sàng đáp ứng tốt nhất các nhu cầu khách trong dịp Tết, đảm bảo dịch vụ ăn nghỉ, vui chơi, đưa đón khách thăm quan...

Tháng Hai, khách quốc tế vào Hà Nội ước tính đạt 296 nghìn lượt khách, tăng 7% so tháng trước và tăng 11,5% so cùng kỳ; Khách nội địa đến đạt 842 nghìn lượt người, tăng 1% và tăng 7,8%; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống lễ hành tăng 2,5% và tăng 7%.

Ước 2 tháng đầu năm 2017, khách quốc tế đến lưu trú tại Hà Nội ước đạt 572,7 nghìn lượt khách, tăng 13% so cùng kỳ, khách nội địa đạt 1.676 nghìn lượt khách, tăng 8%, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, lễ hành tăng 5,5%. Hai tháng đầu năm, khách quốc tế đến từ một số nước tăng cao so cùng kỳ như: Trung Quốc (tăng 34,2%), Hàn Quốc (tăng 16%), Úc (tăng 11,6%), Malaysia (tăng 23,3%), Pháp (tăng 8,6%)...

Đầu năm, trên địa bàn Thành phố có nhiều lễ hội được khai hội, một số Lễ hội lớn như Lễ hội kỷ niệm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa tổ chức vào ngày mừng 5 Tết; Lễ Hội đèn Gióng khai hội vào ngày mừng 6 Tết; Lễ hội chùa

Hương chính thức khai hội từ ngày mùng 6 Tết, nhưng Ban tổ chức mở cửa đón tiếp khách từ mùng 2 Tết để phục vụ khách hành hương, để tạo điều kiện tốt nhất cho du khách về trải hội và thưởng ngoạn khu danh thắng “đẹp nhất trời Nam”, điểm mới năm nay là xuống đồ tham gia vận chuyển du khách phải được đăng ký và có biển số, người lái đồ phải đeo thẻ lái đồ, những lái đồ không có thẻ, ăn mặc thiếu văn hóa, chắt chém du khách,... thì sẽ bị xử lý nghiêm; Để đảm bảo an toàn cho du khách, trước tết, hệ thống cabin - cáp treo chùa Hương Tích đã được duy tu, thay mới toàn bộ dây curoa...

3.5. Thị trường giá cả

Tình hình giá cả thị trường theo qui luật vào những tháng trước và sau Tết sẽ tăng, năm nay nhìn chung giá cả thị trường Tết ổn định, những ngày đầu năm không xảy ra hiện tượng thiếu hàng, gây sốt giá; Bên cạnh đó giá xăng dầu bị ảnh hưởng bởi đợt điều chỉnh tăng vào ngày 18/2. Dự tính chỉ số giá tháng Hai sẽ tăng so tháng trước.

Chỉ số giá vàng dự kiến sẽ tăng so tháng trước do giá vàng tăng cao vào dịp ngày thần tài.

4. Sản xuất nông nghiệp

4.1. Trồng trọt

Đến nay, toàn Thành phố đã cơ bản thu hoạch xong các loại cây trồng vụ đông và đang tập trung triển khai kế hoạch sản xuất vụ xuân. Tính đến ngày 17/2, diện tích đã làm đất để cấy lúa đạt 96.290 ha, bằng 96,6% kế hoạch; diện tích mạ đã gieo 6.480 ha, đạt 100% kế hoạch; diện tích lúa đã cấy đạt 46.850 ha, đạt 47% kế hoạch. Gieo trồng các loại cây trồng khác như ngô đạt 2.970 ha, tăng 68,5% so cùng kỳ; khoai lang 250 ha, giảm 27,5%; khoai sọ 30 ha, tăng 50%; đậu tương 320 ha, tăng 102,5%; lạc 1.220 ha, tăng 18,2%; rau các loại 2.286 ha, tăng 69,1%.

Tiến độ gieo trồng vụ đông xuân: Tổng diện tích gieo trồng vụ đông xuân đạt 90.899 ha, tăng 83% so cùng kỳ. Trong đó: lúa 46.850 ha, tăng 1.136,1%; ngô 12.341 ha, tăng 5,1%; khoai lang 2.615 ha, giảm 9,4%; đậu tương 7.164 ha, giảm 33,3%; rau đậu các loại 18.113 ha, tăng 7,1%.

Nhìn chung, do thời tiết sau tết Nguyên đán nắng ấm, thuận lợi cho gieo trồng nên tiến độ sản xuất vụ đông xuân năm nay tăng nhanh hơn vụ đông xuân năm trước.

4.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trong tháng Hai nhìn chung ổn định. Ước tính, số lượng một số loại gia súc gia cầm hiện có như sau:

Đàn trâu hiện có 23.889 con, giảm 3,5% so với cùng kỳ; đàn bò 135.898 con, giảm 2,1% (trong đó, bò sữa 15.390 con, tăng 7,1%); đàn lợn 1.558 nghìn con, tăng 18,7%; đàn gia cầm 29 triệu con, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2016 (trong đó, đàn gà 18 triệu con, tăng 34,5%).

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng Hai như sau: Trâu đạt 128 tấn; bò 163 tấn; lợn 30.743 tấn; gia cầm 7.162 tấn. Lũy kế 2 tháng đầu năm 2017, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ở trâu đạt 257 tấn, tăng 3,2% so cùng kỳ; bò 327 tấn, tăng 4,1%; lợn 61.485 tấn, tăng 4,9%; gia cầm 16.299 tấn, tăng 3,6%.

Nhìn chung, chăn nuôi của Hà Nội năm 2016 phát triển chủ yếu là chăn nuôi lợn và gà, số trang trại chăn nuôi lợn, gà tăng nhanh. Đầu năm 2017 là dịp tết Cổ truyền, do vậy sản lượng thịt hơi xuất chuồng khá cao. Tuy nhiên, vì đầu tư chăn nuôi tăng nhanh, nhưng thị trường đầu ra chưa ổn định, nên thời gian vừa qua sản phẩm thịt hơi xuất chuồng bị rớt giá, người chăn nuôi bị ảnh hưởng mạnh. Để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho đợt nuôi thả mới, các hộ sau khi xuất chuồng, đang tập trung công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại, chưa thả đàn mới nên số lượng đầu con gia súc, gia cầm thời điểm hiện nay giảm so với kỳ điều tra 01/10/2016.

4.3. Lâm nghiệp

Diện tích trồng rừng đến cuối tháng Hai ước đạt 16 ha, tăng 6,7% so cùng kỳ. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng ước đạt 700 m³, tăng 25% so cùng kỳ; củi khai thác đạt 1.300 Ste, giảm 17,7% so cùng kỳ. Lũy kế 2 tháng, khai thác gỗ đạt 1.600 m³, tăng 2,6%; củi 4.900 Ste, giảm 10,6% so cùng kỳ 2016.

Trong tháng đã xảy ra một vụ cháy rừng tại trạm sản xuất Hồng kỳ xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn; đám cháy đã được dập tắt kịp thời thiệt hại 0,03 ha nhưng chủ yếu là thực bì dưới tán rừng thông cấp tuổi 4.

Kết quả thừa hành pháp luật từ đầu năm đến nay xử lý 4 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 4,5 m³; phạt hành chính và bán lâm sản tịch thu được 159 triệu đồng nộp ngân sách.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” nhân dịp xuân Đinh Dậu năm 2017; Với mục tiêu xây dựng Thủ đô ngày càng “Xanh - Văn hiến - Văn minh và Hiện đại”, từng bước hiện thực hóa chương trình trồng mới 1 triệu cây xanh giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn Thành phố, tính đến ngày 08/02/2017 toàn Thành phố đã trồng được 180.000/431.900 cây xanh đạt 41,7% kế hoạch.

4.4. Thủy sản

Theo số liệu điều tra thủy sản năm 2016: Tổng diện tích nuôi trồng đạt 20.886 ha, giảm 1,2% so với cùng kỳ; tổng sản lượng thủy sản đạt 94.402 tấn,

tăng 7,3% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 92.768 tấn, tăng 6,9%.

Nhìn chung, tình hình nuôi trồng thủy sản của thành phố Hà Nội về diện tích nuôi tuy có giảm nhẹ, nhưng sản lượng thu hoạch tăng là do các mô hình nuôi thả theo phương thức thâm canh, mô hình nuôi cá chép năng suất cao, cá rô phi đơn tính, cá lăng trong lồng, ... nên năng suất, sản lượng nuôi trồng thủy sản cao hơn so với nuôi trồng truyền thống.

Trong tháng 2 đúng vào dịp gieo trồng vụ xuân, mặt khác do vừa đánh bắt thu hoạch cá phục vụ Tết, nên các hộ sản xuất thủy sản tiếp tục triển khai các biện pháp cải tạo và vệ sinh ao, hồ, đồng thời tranh thủ nguồn nước xả từ các hồ thủy điện để tích nước chuẩn bị cho vụ nuôi năm 2017. Diện tích nuôi thả toàn Thành phố trong tháng Hai đạt 2.050 ha, cùng với diện tích nuôi lưu, nên tính chung 2 tháng đầu năm, Hà Nội đã nuôi thả được 21.329 ha, tăng 0,9% cùng kỳ. Về sản lượng nuôi trồng tháng Hai ước đạt 7.680 tấn, tăng 0,1%; lũy kế 2 tháng ước đạt 15.480 tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2016.

Sản lượng khai thác toàn Thành phố tháng Hai thu được 130 tấn, tăng 4%; lũy kế 2 tháng đạt 266 tấn, giảm 12,8% so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do tháng 1, tháng 2 là thời điểm nghỉ tết Nguyên đán và lễ hội của người dân nên sản lượng đánh bắt giảm.

5. Các vấn đề xã hội

Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố tháng Một năm 2017 như sau:

- *Phạm pháp hình sự*: Đã phát hiện 377 vụ (trong đó, có 305 vụ do công án khám phá được); số đối tượng vi phạm bị bắt, giữ theo Luật là 479 người.

- *Tội phạm kinh tế*: Đã phát hiện 430 vụ, đối tượng phạm pháp là 437 người và thu nộp ngân sách 173 tỷ đồng.

- *Tội nạn xã hội*: Đã phát hiện 70 vụ cờ bạc và 31 vụ mại dâm, số đối tượng bị bắt, giữ là 341 người.

- *Tội phạm ma túy*: Đã phát hiện và xử lý hình sự 374 vụ, với 438 người.

- *Tội phạm về môi trường*: Đã phát hiện và xử lý 1.042 vụ, với 1.058 người.

- *Trật tự an toàn giao thông*: Trong tháng Một, toàn Thành phố đã xảy ra 122 vụ tai nạn giao thông đường bộ và đường sắt, làm 47 người bị chết và 93 người bị thương. Trong đó, có 119 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 44 người chết, 93 người bị thương; đặc biệt, có 02 vụ rất nghiêm trọng, làm 4 người chết và 01 người bị thương.

6. Thu ngân sách, tín dụng ngân hàng và thị trường chứng khoán

6.1. Thu ngân sách

Thu ngân sách nhà nước tháng Hai ước đạt 10.039 tỷ đồng, bằng 55,6% so tháng trước và 97,6% so cùng kỳ. Lũy kế 2 tháng, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 28.090 tỷ đồng, bằng 95,4% so cùng kỳ và 15% dự toán.

Trong đó: Thu từ dầu thô tháng Hai ước đạt 122 tỷ đồng, bằng 28,1% so tháng trước và 55,3% so cùng kỳ, lũy kế 2 tháng đạt 556 tỷ đồng, bằng 210,5% so cùng kỳ và 30,9% so dự toán.

6.2. Tài chính, tín dụng ngân hàng

Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Hà Nội tháng Hai đạt 1.658 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so tháng trước và 0,8% so tháng Mười hai năm trước. Trong đó, tiền gửi bằng đồng Việt Nam đạt 1.274 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,8%, tăng 0,6% so tháng trước và 1,5% so tháng Mười hai năm trước (tiền gửi tiết kiệm chiếm 38,4%; tiền gửi thanh toán chiếm 61,6%).

Tổng dư nợ trên địa bàn tháng Hai đạt 1.481 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so tháng trước và 1,2% so tháng 12 năm trước. Trong đó, dư nợ ngắn hạn chiếm 56,2%, tăng 0,7% so tháng trước và tăng 1,1% so tháng 12 năm trước; dư nợ trung và dài hạn chiếm 43,8%, tăng 0,8% và 1,3%.

Trong Tổng dư nợ cho vay thì cho vay nông nghiệp tháng Hai chiếm 7%; cho vay bất động sản chiếm 8%; cho vay tiêu dùng chiếm 9%; cho vay xuất khẩu chiếm 10%.

6.3. Thị trường chứng khoán

Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/2, trên cả hai sàn chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 849 doanh nghiệp niêm yết (trong đó, tại HNX có 380 doanh nghiệp niêm yết; tại Upcom có 469 doanh nghiệp đăng ký giao dịch), với giá trị niêm yết đạt 278.488 tỷ đồng, tăng 16,1% so đầu năm (trong đó, HNX đạt 111.969 tỷ đồng, tăng 1,9%; Upcom đạt 166.519 tỷ, tăng 28,1%). Giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt 581.675 tỷ đồng, tăng 27,9% so đầu năm (trong đó, HNX đạt 161.986 tỷ đồng, tăng 6,7%; Upcom đạt 419.689 tỷ đồng, tăng 38,5%).

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX)

Thông tin về kết quả kinh doanh quý 4 và cả năm 2016 của các doanh nghiệp niêm yết tương đối khả quan, số doanh nghiệp hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra tăng cao, dòng tiền thường xuyên được luân chuyển giữa các nhóm cổ phiếu đã làm cho thanh khoản của thị trường được tăng cao.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/2, chỉ số HNX Index đạt 85,65 điểm, tăng 5,53 điểm, tương đương 6,9% so đầu năm (chỉ số HNX30 đạt 155,78 điểm,

tăng 12,24 điểm, tương ứng 8,5%; chỉ số VNX Allshare đạt 1002,87 điểm, tăng 57,37 điểm, tương đương 6,1%).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Hai, thị trường có 8 phiên tăng điểm, 3 phiên giảm điểm. Khối lượng giao dịch đạt 433 triệu CP được chuyển nhượng (trong đó, giao dịch khớp lệnh đạt 417 triệu CP; giao dịch thỏa thuận đạt 16 triệu CP), với giá trị chuyển nhượng đạt 4.163 tỷ đồng (trong đó, giao dịch thỏa thuận đạt 4.012 tỷ đồng, giao dịch thỏa thuận đạt 151 tỷ đồng). Bình quân một phiên giao dịch có 39 triệu CP được chuyển nhượng, với giá trị đạt 378 tỷ đồng, tăng 54,7% về khối lượng và 42,8% về giá trị so bình quân chung tháng Một.

Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom)

Kết thúc phiên giao dịch ngày 16/2, chỉ số Upcom Index đạt 55,11 điểm, tăng 1,29 điểm, tương ứng 2,4% so đầu năm (chỉ số Upcom Premium đạt 100,25 điểm, tăng 0,51 điểm, tương ứng 0,5%).

Trong 11 phiên giao dịch đầu tháng Hai, khối lượng giao dịch đạt 66 triệu CP, giá trị chuyển nhượng đạt 1.368 tỷ đồng, bằng 85,6% về khối lượng và 93,8% về giá trị so bình quân chung tháng Một.

Hoạt động cấp mã giao dịch

Trong tháng Một, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã cấp được 113 mã giao dịch cho các nhà đầu tư nước ngoài (trong đó, tổ chức 12; cá nhân 101), đưa tổng số mã VSD đã cấp đạt 20.372 mã giao dịch (trong đó, tổ chức 3.164; cá nhân 17.208).

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Cục Thống kê một số tỉnh, TP;
- Lưu VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Khải

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 01/2017		Ước tính tháng 02/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Hai so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 01/2016	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 02/2016	
Toàn ngành	123.42	98.64	126.75	112.52	105.11
Khai khoáng	8.53	14.68	9.44	106.08	26.82
- Khai khoáng khác	8.53	14.68	9.44	106.08	26.82
Công nghiệp chế biến, chế tạo	123.04	99.03	126.46	112.72	105.53
- Sản xuất chế biến thực phẩm	140.71	100.27	140.09	111.53	105.59
- Sản xuất đồ uống	37.13	95.54	42.44	118.74	106.65
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	134.30	103.10	148.08	110.87	107.03
- Dệt	68.59	73.18	74.56	100.07	85.09
- Sản xuất trang phục	260.47	108.61	310.19	119.34	114.19
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	28.91	24.59	32.51	34.91	29.15
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	125.40	103.64	121.25	108.67	106.05
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	81.45	111.99	72.68	128.02	119.02
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	367.00	117.21	272.57	115.96	116.67
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	129.26	99.93	103.22	116.98	106.84
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	45.83	90.28	47.95	134.34	108.47
- Sản xuất kim loại	51.29	82.44	53.19	138.76	103.91
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	57.69	84.14	58.42	118.75	98.60
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	56.33	84.12	66.82	123.30	101.64
- Sản xuất thiết bị điện	96.30	131.01	86.72	115.47	123.16

I. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: %

	Chính thức tháng 01/2017		Ước tính tháng 02/2017		Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng Hai so với cùng kỳ năm trước
	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 01/2016	So với tháng BQ năm 2010	So với tháng 02/2016	
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	41.84	83.09	43.94	125.50	100.49
- Sản xuất xe có động cơ	149.43	82.47	158.95	108.64	94.16
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	237.06	106.74	257.96	107.48	107.13
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	357.63	73.69	363.40	134.23	95.37
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	154.90	99.31	155.57	114.36	106.32
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	154.90	99.31	155.57	114.36	106.32
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	131.62	95.37	133.57	103.63	99.36
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	140.35	97.84	143.08	107.52	102.50
- Thoát nước và xử lý nước thải	143.78	84.65	152.78	101.18	92.43
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	106.98	105.77	101.48	98.83	102.28

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP

	Đơn vị tính	Ước tính		% So sánh	
		Thực hiện tháng 02	Thực hiện 2T 2017	T 02/2017 T 01/2017	2T/2017 2T/2016
- Bánh và kẹo các loại	Tấn	2934	5798	102.4	127.2
- Bia đóng chai	1000 Lít	10134	19045	113.7	103.8
- Thuốc lá có đầu lọc	1000 Bao	103800	197940	110.3	107.0
- Vải dệt kim hoặc móc khác	1000 M ²	111	241	85.4	85.8
- Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ, áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	79	159	98.8	80.7
- Áo sơ mi cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	4516	7945	131.7	132.1
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần sóc cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	1775	3395	109.6	103.6
- Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, váy, quần dài, quần sóc cho trẻ em không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	2336	4484	108.8	196.8
- Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 Cái	5382	9808	121.6	107.0
- Bộ quần áo thể thao khác	1000 Cái	605	1223	97.9	65.5
- Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	7775	17273	81.9	125.8
- Sản phẩm mây, tre đan các loại	1000 cái	3181	6752	89.1	83.9
- Giấy và bìa không tráng khác, dùng để viết, in và dùng cho mục đích in ấn	Tấn	1386	3097	81.0	97.5
- Giấy và bìa khác (Giấy than, giấy duplex khổ lớn)	Tấn	1409	3124	82.2	74.7
- Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	6854	11065	162.8	88.8
- Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh và các sản phẩm vệ sinh tương tự	Tấn	172	335	105.5	90.3
- Sổ sách, vở, giấy thép	Tấn	7990	16820	90.5	148.7
- Phân bón các loại	Tấn	21636	44820	93.3	84.0
- Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	Tấn	701	1402	100.0	130.1
- Dược phẩm chứa hóc môn nhưng không có kháng sinh dạng viên	Triệu Viên	194	384	102.1	97.0
- Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Kg	275135	549711	100.2	109.7
- Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	850	1779	91.5	130.6
- Vắc xin dùng làm thuốc thú y	1000 Liều	0	33288	.0	139.8
- Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 Viên	36130	77572	87.2	88.4
- Sản phẩm gia dụng và các sản phẩm phục vụ vệ sinh khác bằng sứ (trừ bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp)	1000 Cái	84	161	109.1	98.2

II. SẢN PHẨM CHỦ YẾU CÔNG NGHIỆP (TIẾP THEO)

	Đơn vị tính	Ước tính		% So sánh	
		Thực hiện tháng 02	Thực hiện 2T 2017	<u>T 02/2017</u> T 01/2017	<u>2T 2017</u> 2T 2016
- Sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	148	293	102.1	116.7
- Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M ³	70849	156675	82.5	87.9
- Tấm lợp bằng kim loại	Tấn	7702	15089	104.3	99.5
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm	M ²	607	1220	99.0	2.1
- Máy in-copy, in bằng công nghệ in phun có thể kết nối với máy xử lý dữ liệu	Cái	371030	663496	126.9	85.2
- Trạm (thiết bị) thu phát gốc	1000 Cái	155	274	129.9	90.3
- Thiết bị và dụng cụ quang học khác chưa được phân vào đầu	1000 Cái	1377	2725	102.2	131.3
- Động cơ xoay chiều khác, đa pha có công suất bằng 750W	Chiếc	3393	5839	138.7	94.8
- Máy biến thế điện sử dụng điện môi lỏng các loại	Chiếc	243	483	101.3	153.8
- Máy biến áp dùng cho thiết bị đo lường có công suất = 1 kVA	Chiếc	2747	4685	141.7	94.7
- Máy biến thế điện khác có công suất > 16 kVA	Chiếc	12	22	120.0	24.2
- Bộ phận của thiết bị phân phối và điều khiển điện	Tấn	5	10	100.0	28.6
- Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Cái	46660	92669	101.4	102.8
- Quạt bàn, quạt sàn, quạt tường, quạt cửa sổ, quạt trần hoặc quạt mái... công suất không quá 125W	1000 Cái	188	452	71.5	102.8
- Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chớ được từ 10 người trở lên với tổng tải trọng = 6 tấn	Chiếc	874	1730	102.1	112.6
- Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston các loại	Chiếc	945	1866	102.6	108.6
- Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	1000 Cái	478	934	104.7	102.5
- Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 Cái	27811	54413	104.5	96.1
- Xe mô tô, xe máy có gắn động cơ phụ trợ với động cơ piston đốt trong xi lanh > 50 cc nhưng = 250cc	Chiếc	91493	181018	102.2	106.5
- Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Tấn	12228	23239	111.1	107.3
- Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	13327	24667	117.5	116.9
- Giường bằng gỗ các loại	Chiếc	20877	38821	116.3	75.8
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Chiếc	39086	76532	104.4	109.8
- Bàn bằng gỗ các loại	Chiếc	403429	801089	101.5	95.1
- Điện thương phẩm	Triệu Kwh	1155	2305	100.4	106.3
- Nước uống được	1000 M ³	19545	38717	101.9	102.5

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

I. TỔNG MỨC LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG XÃ HỘI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 02	Thực hiện 2T 2017	<u>T 02/2017</u> <u>T 01/2017</u>	<u>2T 2017</u> <u>2T 2016</u>
1. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	179014	365234	96.1	107.1
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	52600	106474	97.6	108.0
+ Kinh tế ngoài nhà nước	117814	241215	95.5	106.7
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	8600	17545	96.1	107.3
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	132800	272310	95.2	108.1
+ Khách sạn - nhà hàng	4190	8269	102.7	105.9
+ Du lịch lữ hành	725	1441	101.3	103.3
+ Dịch vụ	41299	83214	98.5	104.1
2. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	41415	84648	95.8	106.8
<i>Chia theo thành phần kinh tế</i>				
+ Kinh tế nhà nước	5600	11587	93.5	104.7
+ Kinh tế ngoài nhà nước	31315	63928	96.0	107.3
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	4500	9133	97.1	106.1
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>				
+ Thương nghiệp	20800	43092	93.3	107.6
+ Khách sạn - nhà hàng	4190	8269	102.7	105.9
+ Du lịch lữ hành	725	1441	101.3	103.3
+ Dịch vụ	15700	31846	97.2	106.1
3. Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)				
+ Kinh tế Nhà nước	13.5	13.7	-	-
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	75.6	75.5	-	-
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	10.9	10.8	-	-

II. KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% so sánh	
	Thực hiện tháng 02	Thực hiện 2T 2017	<u>T 02/2017</u> <u>T 01/2017</u>	<u>2T 2017</u> <u>2T 2016</u>
Tổng kim ngạch XK trên địa bàn	769	1614	90.9	113.1
<i>Trong đó: XK địa phương</i>	<i>642</i>	<i>1344</i>	<i>91.5</i>	<i>113.3</i>
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	139	296	88.6	111.2
- Kinh tế ngoài nhà nước	229	494	86.1	113.6
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	401	824	94.8	113.4
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Hàng nông sản	59	124	90.2	82.4
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>16</i>	<i>34</i>	<i>88.0</i>	<i>80.4</i>
+ Cà phê	20	43	89.6	89.5
+ Hạt tiêu	6	12	98.0	74.5
+ Chè	7	15	92.3	151.0
- Hàng may, dệt	108	228	89.9	106.1
- Giày dép các loại và SP từ da	16	37	78.8	95.4
- Hàng điện tử	33	67	95.8	91.4
- Linh kiện máy tính và thiết bị ngoại vi	95	193	96.8	107.3
- Hàng thủ công mỹ nghệ	13	27	91.6	102.3
- Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất)	42	88	92.3	115.7
- Máy móc thiết bị phụ tùng	115	243	89.7	138.9
- Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	25	54	86.9	102.1
- Phương tiện vận tải và phụ tùng	61	127	92.3	135.3
- Hàng hoá khác	202	426	90.0	123.1

III. KIM NGẠCH NHẬP KHẨU TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Đơn vị tính: Triệu USD

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 02	Thực hiện 2T 2017	$\frac{T\ 02/2017}{T\ 01/2017}$	$\frac{2T\ 2017}{2T\ 2016}$
Tổng kim ngạch NK trên địa bàn	1597	3576	80.7	110.0
<i>Trong đó: NK địa phương</i>	689	1543	80.5	106.2
Chia theo thành phần kinh tế				
- Kinh tế nhà nước	990	2215	80.9	112.1
- Kinh tế ngoài nhà nước	281	629	80.7	116.7
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	326	732	80.3	99.5
Chia theo nhóm hàng chủ yếu				
- Máy móc thiết bị, phụ tùng	337	757	80.5	104.4
- Vật tư, nguyên liệu (trừ xăng dầu)	514	1142	81.8	105.1
<i>Trong đó: + Sắt thép</i>	91	193	90.3	106.1
+ Phân bón	12	33	58.5	73.6
+ Hoá chất	18	39	84.5	97.4
+ Chất dẻo	42	93	84.4	98.9
+ Xăng dầu	188	407	85.6	123.2
- Hàng hoá khác	746	1677	80.1	116.5

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

IV. HOẠT ĐỘNG NGÀNH VẬN TẢI

	Ước tính		% So sánh	
	Thực hiện tháng 02	Thực hiện 2T 2017	<u>T 02/2017</u> T 01/2017	<u>2T 2017</u> 2T 2016
1. Doanh thu (Tỷ đồng)	6277	12474	101.3	109.7
a. Chia theo thành phần kinh tế				
+ Kinh tế Nhà nước	1222	2439	100.5	108.2
+ Kinh tế ngoài Nhà nước	4246	8424	101.6	110.3
+ Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	809	1611	100.8	108.8
b. Chia theo ngành hoạt động				
+ Vận tải hàng hoá	2743	5460	101.0	108.9
+ Vận tải hành khách	1190	2343	103.2	111.7
+ Hỗ trợ vận tải (cảng, b.xếp, đại lý vận tải...)	2344	4671	100.7	109.6
2. Sản lượng				
- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (Triệu T)	51	102	101.0	109.6
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (Triệu T.Km)	3982	7907	101.4	110.5
- Số lượt hành khách vận chuyển (Triệu HK)	85	167	102.2	109.9
- Số lượt HK luân chuyển (Triệu HK.Km)	1919	3768	103.8	110.6

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

	Đơn vị tính	Chính thức 2T 2016	Ước tính 2T 2017	% So sánh
I. Tiến độ gieo trồng cây nông nghiệp				
1. Trồng trọt	Ha	49682	90899	183.0
Tiến độ gieo cấy lúa đông xuân	Ha	3790	46850	1236.1
<i>Trong đó:</i>				
- Ngô	"	11744	12341	105.1
- Khoai lang	"	2887	2615	90.6
- Đậu tương	"	10735	7164	66.7
- Rau, đậu các loại	"	16913	18113	107.1
2. Chăn nuôi				
- Đàn Trâu	1000 con	25	24	96.5
- Đàn Bò	"	139	136	97.9
- Đàn Lợn	"	671	707	105.4
- Đàn gia cầm	Triệu con	24	29	122.8
II. Lâm nghiệp				
- Sản lượng gỗ khai thác	M ³	1560	1600	102.6
- Sản lượng củi khai thác	Ste	5480	4900	89.4
III. Thủy sản				
- Diện tích thủy sản nuôi thả	Ha	21140	21325	100.9
- Sản lượng thủy sản	Tấn	14615	15480	105.9

TÌNH HÌNH TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

	Đơn vị tính	Tháng 01/2017
1. Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	377
<i>Trong đó:</i>		
- Số vụ khám phá	Vụ	305
- Đối tượng bị bắt giữ	người	479
2. Tội phạm pháp kinh tế		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	430
- Đối tượng bị bắt giữ	người	437
3. Tội phạm ma túy		
- Số vụ phát hiện và bắt giữ	Vụ	374
- Đối tượng bị bắt giữ	người	438
4. Tội phạm môi trường		
- Số vụ phát hiện và xử lý	Vụ	1042
- Đối tượng bị xử lý	người	1058
5. Trật tự an toàn giao thông		
- Số vụ tai nạn	Vụ	119
- Số người chết	Người	44

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Thực hiện tháng 01/2017	Ước tính tháng 02/2017	% So sánh	
			$\frac{T\ 02/2017}{T\ 01/2017}$	$\frac{T02/2017}{T12/2016}$
I. Nguồn vốn huy động	1649521	1657769	100.5	100.8
1. Tiền gửi	1530513	1538166	100.5	100.7
- Tiền gửi tiết kiệm	588545	592429	100.7	101.1
- Tiền gửi thanh toán	941968	945737	100.4	100.6
2. Phát hành giấy tờ có giá	119008	119603	100.5	101.7
Trong đó: Đồng Việt Nam	118870	119461	100.5	101.7
II. Tổng dư nợ	1470115	1480700	100.7	101.2
- Dư nợ ngắn hạn	827217	833008	100.7	101.1
- Dư nợ trung và dài hạn	642898	647692	100.7	101.3

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Tỷ đồng

	Ước thực hiện 2T năm 2017	% so sánh	
		$\frac{2T\ 2017}{D.toán\ năm}$	$\frac{2T\ 2017}{2T\ 2016}$
TỔNG THU	28090	15.0	95.4
1. Thu dầu thô	557	30.9	210.5
2. Thu nội địa không kể dầu thô	27533	14.8	94.3
<i>Trong đó:</i>			
- Khu vực DNNN Trung ương	4746	8.4	86.9
- Khu vực DNNN địa phương	546	20.7	97.0
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	4471	18.1	96.9
- Khu vực CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	7710	22.1	112.6
- Thu lệ phí trước bạ	974	19.4	108.4
- Thuế thu nhập cá nhân	3111	16.2	112.7
- Thu phí và lệ phí tính cân đối ngân sách	750	10.6	112.3
- Thu tiền sử dụng đất	4190	21.0	72.3

CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số 1 - Hàn Thuyên - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: 04.38254239 - Fax: 04.38246150